

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam



Giấy Đề Nghị Sửa Đổi, Bổ Sung, Hủy Dịch Vụ Internet Banking
Internet Banking Amendment, Supplementation & Cancellation Form
 (Dành cho khách hàng doanh nghiệp/For Corporate Customers)

Kính gửi/To: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam**

Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade

Chi nhánh/Branch:

A. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/Corporate Information

Tên Doanh nghiệp/Corporate Name: _____

Địa chỉ liên hệ/Contact Add: _____

Số CIF/CIF No.: _____ Số ĐKKD/Business Registration No.: _____

Số điện thoại/ Tel No.: _____ Mã số thuế/Tax Code: _____

B. ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, HỦY DỊCH VỤ INTERNET BANKING/Internet Banking Amendment, Supplementation & Cancellation**1. THAY ĐỔI THÔNG TIN TÀI KHOẢN/ Account Information Maintenance****Tài khoản thu phí/Charge Account:****Sửa đổi, Bổ sung thông tin tài khoản/Account Information Amendment and Supplementation**

☐ Tài khoản đăng ký Account	Sửa đổi Amendment	Bổ sung Supple- mentation	Hủy bỏ Cancellati- on	Hạn mức giao dịch/lần (*) Maximum amount per transaction	Hạn mức giao dịch/ngày (*) Maximum amount per day
	☐	☐	☐		
	☐	☐	☐		
	☐	☐	☐		
	☐	☐	☐		
	☐	☐	☐		
	☐	☐	☐		
	☐	☐	☐		
	☐	☐	☐		
	☐	☐	☐		

(*) Số tiền giao dịch không vượt quá hạn mức theo Quy định của VietinBank trong từng thời kỳ/Maximum amount of transaction shall not exceed transaction limit prescribed by VietinBank. Maximum amount of transaction limit can be subject to change from time to time at VietinBank's discretion.

3. THAY ĐỔI THÔNG TIN GÓI DỊCH VỤ/ Service Package registration Maintenance

Dịch vụ/Services	Bổ sung/Supplementation	Hủy bỏ/Cancellation
Gói phi tài chính Non financial Package	☐	☐
Gói cơ bản Basic Package	☐	☐

QUY TRÌNH TẠM THỜI	Mã số: QT.56.05.I/BM03	Trang: 1 7
CUNG CẤP, QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH DỊCH VỤ INTERNET BANKING DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày VB: 14/12/2016

Gói cao cấp Advanced Package	☐	☐
--	--------------------------	--------------------------

4. THAY ĐỔI THÔNG TIN NGƯỜI DÙNG/Customer's User Information Maintenance**4.1. YÊU CẦU SỬA ĐỔI THÔNG TIN NGƯỜI DÙNG/User's Information Amendment**

Họ và tên/Full name: Tên truy cập/User name: Thay đổi thông tin cá nhân/Personal information Amendment ☐ Số CMTND hoặc hộ chiếu/ID or Passport no.: ☐ Quốc tịch/Nationality: ☐ Hộp thư điện tử/Email add: ☐ Điện thoại/Tel:	Họ và tên/Full name: Tên truy cập/User name: Thay đổi thông tin cá nhân/Personal information Amendment ☐ Số CMTND hoặc hộ chiếu/ID or Passport no.: ☐ Quốc tịch/Nationality: ☐ Hộp thư điện tử/Email add: ☐ Điện thoại/Tel:																												
Thay đổi vai trò người dùng/User role Amendment ☐ Khởi tạo giao dịch/Initiator ☐ Phê duyệt giao dịch/Approver Cấp phê duyệt (Từ cấp 1 đến cấp 5)/Approval level (From 1st to 5th level):	Thay đổi vai trò người dùng/User role Amendment ☐ Khởi tạo giao dịch/Initiator ☐ Phê duyệt giao dịch/Approver Cấp phê duyệt (Từ cấp 1 đến cấp 5)/Approval level (From 1st to 5th level):																												
Thay đổi Phương thức xác thực/Authorisation Method Amendment: ☐ Thẻ RSA/RSA device ☐ SMS; Số điện thoại nhận OTP/Mobile no. to receive OTP: ☐ Chữ ký số (nếu có)/ Dital Signature (if available)	Thay đổi Phương thức xác thực/Authorisation Method Amendment: ☐ Thẻ RSA/RSA device ☐ SMS; Số điện thoại nhận OTP/Mobile no. to receive OTP: ☐ Chữ ký số (nếu có)/ Dital Signature (if available)																												
Bổ sung/thay đổi Tài khoản đăng ký/ Registered Account Supplementation or Amendment <table border="1"> <tr> <td>☐ Số tài khoản Account no.</td> <td>Hạn mức GD/lần và ngày Maximum amount per transaction/day</td> </tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr> <td>☐ Tất cả tài khoản All accounts</td> <td> </td> </tr> </table>	☐ Số tài khoản Account no.	Hạn mức GD/lần và ngày Maximum amount per transaction/day											☐ Tất cả tài khoản All accounts		Bổ sung/thay đổi Tài khoản đăng ký/ Registered Account Supplementation or Amendment <table border="1"> <tr> <td>☐ Số tài khoản Account no.</td> <td>Hạn mức GD/lần và ngày Maximum amount per transaction/day</td> </tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr> <td>☐ Tất cả tài khoản All accounts</td> <td> </td> </tr> </table>	☐ Số tài khoản Account no.	Hạn mức GD/lần và ngày Maximum amount per transaction/day											☐ Tất cả tài khoản All accounts	
☐ Số tài khoản Account no.	Hạn mức GD/lần và ngày Maximum amount per transaction/day																												
☐ Tất cả tài khoản All accounts																													
☐ Số tài khoản Account no.	Hạn mức GD/lần và ngày Maximum amount per transaction/day																												
☐ Tất cả tài khoản All accounts																													
Hủy bỏ TK đăng ký/Registered Account Cancellation Số Tài khoản/Account no.:	Hủy bỏ TK đăng ký/Registered Account Cancellation Số Tài khoản/Account no.:																												
☐ Kích hoạt sử dụng dịch vụ/Activate ☐ Khóa thẻ RSA/Lock RSA device ☐ Mở khóa thẻ RSA/Unlock RSA device ☐ Cấp lại thẻ RSA/Re-register RSA device	☐ Kích hoạt sử dụng dịch vụ/Activate ☐ Khóa thẻ RSA/Lock RSA device ☐ Mở khóa thẻ RSA/Unlock RSA device ☐ Cấp lại thẻ RSA/Re-register RSA device																												
Chữ ký người sử dụng (Ghi rõ họ và tên)/Signature and full name of user	Chữ ký người sử dụng (Ghi rõ họ và tên)/Signature and full name of user																												

QUY TRÌNH TẠM THỜI	Mã số: QT.56.05.I/BM03	Trang: 2 7
CUNG CẤP, QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH DỊCH VỤ INTERNET BANKING DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày VB: 14/12/2016

--

--

4.2. YÊU CẦU HỦY BỎ NGƯỜI DÙNG/User Cancellation

Tên đăng nhập User name	Họ và tên Full Name	Số CMND hoặc Hộ chiếu ID or Passport No.	Ghi chú Note

4.3. YÊU CẦU BỔ SUNG NGƯỜI DÙNG/User Supplementation

Vai trò người dùng User Role	
☐ Khởi tạo giao dịch/Initiator	☐ Phê duyệt giao dịch/Approver Cấp phê duyệt (Từ cấp 1 đến cấp 5)/Approval level (From 1st to 5th level):
Họ và tên/Full name:	
Số CMTND hoặc hộ chiếu/ID or Passport no.:	
Quốc tịch/Nationality:	
Ngày sinh/Date of birth (DD/MM/YYYY):	
Hộp thư điện tử/Email add:	
Điện thoại/Tel:	
Phương thức xác thực/Authorisation Method: ☐ Thẻ RSA/RSA device ☐ SMS; Số điện thoại nhận OTP/Mobile no. to receive OTP: ☐ Chữ ký số (nếu có)/ Dital Signature (if available)	
Tài khoản đăng ký/ Registered Account	
☐ Số tài khoản Account no.	Hạn mức GD/lần và ngày Maximum amount per transaction/day
☐ Tất cả tài khoản	

Vai trò người dùng User Role	
☐ Khởi tạo giao dịch/Initiator	☐ Phê duyệt giao dịch/Approver Cấp phê duyệt (Từ cấp 1 đến cấp 5)/Approval level (From 1st to 5th level):
Họ và tên/Full name:	
Số CMTND hoặc hộ chiếu/ID or Passport no.:	
Quốc tịch/Nationality:	
Ngày sinh/Date of birth (DD/MM/YYYY):	
Hộp thư điện tử/Email add:	
Điện thoại/Tel:	
Phương thức xác thực/Authorisation Method: ☐ Thẻ RSA/RSA device ☐ SMS; Số điện thoại nhận OTP/Mobile no. to receive OTP: ☐ Chữ ký số (nếu có)/ Dital Signature (if available)	
Tài khoản đăng ký/ Registered Account	
☐ Số tài khoản Account no.	Hạn mức GD/lần và ngày Maximum amount per transaction/day
☐ Tất cả tài khoản	

QUY TRÌNH TẠM THỜI	Mã số: QT.56.05.I/BM03	Trang: 3 7
CUNG CẤP, QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH DỊCH VỤ INTERNET BANKING DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày VB: 14/12/2016

All accounts		All accounts	
Chữ ký người sử dụng (Ghi rõ họ và tên)/Signature and full name of user		Chữ ký người sử dụng (Ghi rõ họ và tên)/Signature and full name of user	

Trường hợp khách hàng muốn đăng ký thêm người dùng, vui lòng sử dụng mẫu phụ lục 01/To add more users, please use Appendix 01- Corporate Internet Banking

5. THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG NGƯỜI THAM GIA PHÊ DUYỆT/Number of approvers Amendment

Cấp độ phê duyệt 1/Approval Level 1	Cấp độ phê duyệt 2/Approval Level 2	Cấp độ phê duyệt 3/Approval Level 3	Cấp độ phê duyệt 4/Approval Level 4	Cấp độ phê duyệt 5/Approval Level 5

6. DỊCH VỤ ĐẶC BIỆT/Special Service

Dịch vụ đặc biệt	Hủy bỏ	Bổ sung
Vấn tin tài khoản thành viên Tree - view account inquiry	☐	☐
Báo cáo chuyên thu Specialized collection Report	☐	☐
Báo cáo tập trung Cash pooling Report	☐	☐

7. YÊU CẦU HỦY DỊCH VỤ/Service Cancellation

☐	Hủy dịch vụ Service Cancellation
--------------------------	-------------------------------------

8. YÊU CẦU KHÁC/Other Requests

Yêu cầu khác: Other Requests

• Tôi xác nhận những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác. I hereby confirm that the information furnished by me herein is in full, true and accurate. • Tôi đồng ý và cam kết thực hiện đúng với các điều kiện điều khoản sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử. I hereby agree to VietinBank's terms and conditions of using ebanking services.	Chủ tài khoản/Người được uỷ quyền Account holder/Authorized person Ngày/Date___/___/___ (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên/Signature, Full name and Stamp)
--	---

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG/For bank use only	
Người phê duyệt	Giao dịch viên

QUY TRÌNH TẠM THỜI	Mã số: QT.56.05.I/BM03	Trang: 4 7
CUNG CẤP, QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH DỊCH VỤ INTERNET BANKING DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày VB: 14/12/2016

Supervisor Ngày/Date ____/____/____	Teller Ngày/Date ____/____/____
---	---

Phụ lục 01 – Đăng ký người dùng**Annex 01- User Registration**

(Dành cho khách hàng doanh nghiệp/For Corporate Customers)

Vai trò người dùng User Role	
☐ Khởi tạo giao dịch/Initiator	☐ Phê duyệt giao dịch/Approver Cấp phê duyệt (Từ cấp 1 đến cấp 5)/Approval level (From 1st to 5th level):
Họ và tên/Full name:	
Số CMTND hoặc hộ chiếu/ID or Passport no.:	
Quốc tịch/Nationality:	
Ngày sinh/Date of birth (DD/MM/YYYY):	
Hộp thư điện tử/Email add:	
Điện thoại/Tel:	
Phương thức xác thực/Authorisation Method: ☐ Thẻ RSA/RSA device ☐ SMS; Số điện thoại nhận OTP/Mobile no. to receive OTP: ☐ Chữ ký số (nếu có)/ Dital Signature (if available) *	
Tài khoản đăng ký/ Registered Account	
☐ Số tài khoản Account no.	Hạn mức GD/lần và ngày Maximum amount per transaction/day
☐ Tất cả tài khoản All accounts	
Chữ ký người sử dụng (Ghi rõ họ và tên)/Signature and full name of user	

Vai trò người dùng User Role	
☐ Khởi tạo giao dịch/Initiator	☐ Phê duyệt giao dịch/Approver Cấp phê duyệt (Từ cấp 1 đến cấp 5)/Approval level (From 1st to 5th level):
Họ và tên/Full name:	
Số CMTND hoặc hộ chiếu/ID or Passport no.:	
Quốc tịch/Nationality:	
Ngày sinh/Date of birth (DD/MM/YYYY):	
Hộp thư điện tử/Email add:	
Điện thoại/Tel:	
Phương thức xác thực/Authorisation Method: ☐ Thẻ RSA/RSA device ☐ SMS; Số điện thoại nhận OTP/Mobile no. to receive OTP: ☐ Chữ ký số (nếu có)/ Dital Signature (if available) *	
Tài khoản đăng ký/ Registered Account	
☐ Số tài khoản Account no.	Hạn mức GD/lần và ngày Maximum amount per transaction/day
☐ Tất cả tài khoản All accounts	
Chữ ký người sử dụng (Ghi rõ họ và tên)/Signature and full name of user	

QUY TRÌNH TẠM THỜI	Mã số: QT.56.05.I/BM03	Trang: 5 7
CUNG CẤP, QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH DỊCH VỤ INTERNET BANKING DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày VB: 14/12/2016

QUY TRÌNH TẠM THỜI	Mã số: QT.56.05.I/BM03	Trang: 6 7
CUNG CẤP, QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH DỊCH VỤ INTERNET BANKING DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày VB: 14/12/2016

Phụ lục 02 - Sửa đổi thông tin người dùng

Annex 02- User information Amendment

(Dành cho khách hàng doanh nghiệp/For Corporate Customers)

Vai trò người dùng				Vai trò người dùng			
User Role		User Role		User Role		User Role	
☐ Khởi tạo giao dịch/Initiator		☐ Phê duyệt giao dịch/Approver Cấp phê duyệt/Approval level:		☐ Khởi tạo giao dịch/Initiator		☐ Phê duyệt giao dịch/Approver Cấp phê duyệt/Approval level:	
Họ và tên/Full name:				Họ và tên/Full name:			
Số CMTND hoặc hộ chiếu/ID or Passport no.:				Số CMTND hoặc hộ chiếu/ID or Passport no.:			
Quốc tịch/Nationality:				Quốc tịch/Nationality:			
Ngày sinh/Date of birth (DD/MM/YYYY):				Ngày sinh/Date of birth (DD/MM/YYYY):			
Hộp thư điện tử/Email add:				Hộp thư điện tử/Email add:			
Điện thoại/Tel:				Điện thoại/Tel:			
Thay đổi phương thức xác thực/ Change Authorisation Method: ☐ Thẻ RSA/RSA device ☐ SMS; Số điện thoại nhận OTP/Mobile no. to receive OTP: _____ ☐ Chữ ký số (Digital) Signature _____				Thay đổi phương thức xác thực/ Change Authorisation Method: ☐ Thẻ RSA/RSA device ☐ SMS; Số điện thoại nhận OTP/Mobile no. to receive OTP: _____ ☐ Chữ ký số (Digital) Signature _____			
☐ Kích hoạt sử dụng dịch vụ/Activate ☐ Khóa thẻ RSA/Lock RSA device ☐ Mở khóa thẻ RSA/Unlock RSA device ☐ Cấp lại thẻ RSA/Re-register RSA device				☐ Kích hoạt sử dụng dịch vụ/Activate ☐ Khóa thẻ RSA/Lock RSA device ☐ Mở khóa thẻ RSA/Unlock RSA device ☐ Cấp lại thẻ RSA/Re-register RSA device			
☐ Chọn tất cả tài khoản/All accounts ☐ Chọn tất cả dịch vụ/All services				☐ Chọn tất cả tài khoản/All accounts ☐ Chọn tất cả dịch vụ/All services			
Tài khoản sử dụng Registered Account	Dịch vụ sử dụng Registered Service	Hạn mức giao dịch/lần Maximum amount per day	Hạn mức giao dịch/ngày Maximum amount per day	Tài khoản sử dụng Registered Account	Dịch vụ sử dụng Registered Service	Hạn mức giao dịch/lần Maximum amount per day	Hạn mức giao dịch/ngày Maximum amount per day
Chữ ký người sử dụng (Ghi rõ họ và tên)/Signature and full name of user				Chữ ký người sử dụng (Ghi rõ họ và tên)/Signature and full name of user			
QUY TRÌNH TẠM THỜI CUNG CẤP, QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH DỊCH VỤ INTERNET BANKING DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP				Mã số: QT.56.05.I/BM03		Trang: 7 7	
				Lần sửa đổi: 00		Ngày VB: 14/12/2016	

Phụ lục 03 – Hủy bỏ người dùng
Annex 03- User

Tên đăng nhập User name	Họ và tên Full Name	Số CMND hoặc Hộ chiếu ID or Passport No.	Ghi chú Note

